

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/BC-DTL/2023

Bình Dương, ngày 19 tháng 04 năm 2023

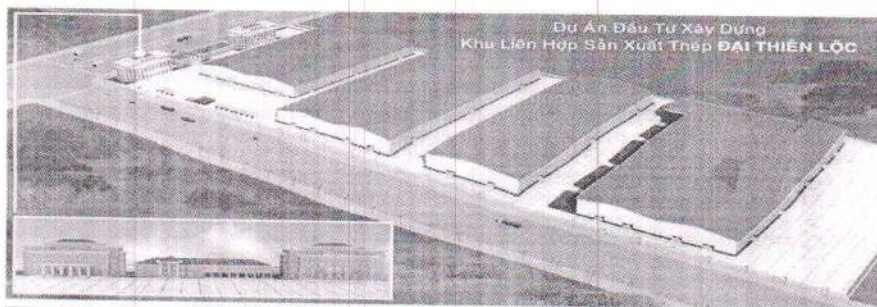
**BÁO CÁO
Thường niên năm 2022**

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng khoán TP.HCM

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**
- Tên tiếng anh: DAI THIEN LOC CORPORATION
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700381282
- Vốn điều lệ: 614.356.040.000VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.064.369.651.044VNĐ
- Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại: 0274.3719999/1800.1149
- Số fax: 0274.3849111
- Website: www.daithienloc.com.vn
- Mã cổ phiếu: DTL



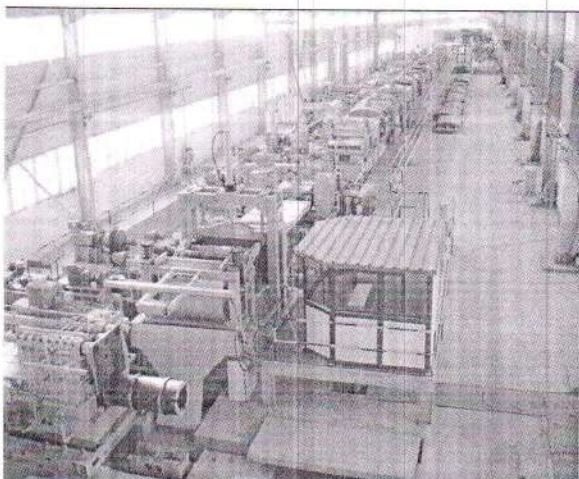
Toàn cảnh Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, Bình Dương (diện tích đất 105.285m²) và tòa nhà văn phòng - Trụ sở chính của Công ty Cổ Phần Đại Thiên Lộc

- Quá trình hình thành và phát triển:

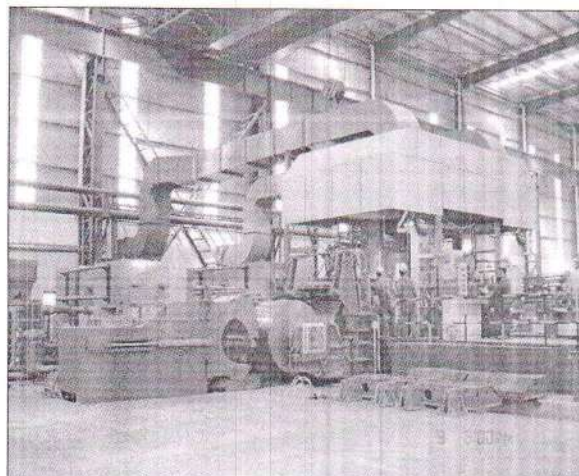
11/07/2001	Thành lập Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc (Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4602000250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/07/2001). Với số vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng và đội ngũ nhân viên 30 người, công ty chuyên kinh doanh thép cán nóng, cán nguội; thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm - kẽm, mạ màu; thép tấm; thép hình; xà gồ thép; thép xây dựng v.v...
Tháng 03/2003	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm (DC thứ nhất) tại KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương. <i>Sản phẩm tôn kẽm Đại Thiên Lộc có chất lượng ổn định, giá cả cạnh tranh nên được khách hàng ưa chuộng. Đơn đặt mua hàng không ngừng gia tăng. Dây chuyền mạ kẽm chạy 100% công suất vẫn không sản xuất đủ lượng hàng cung cấp cho thị trường nên công ty quyết định tăng vốn và đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước</i>
12/04/2007	Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4603000334 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 12/04/2007). Thực sự hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ tháng 01/06/2007.



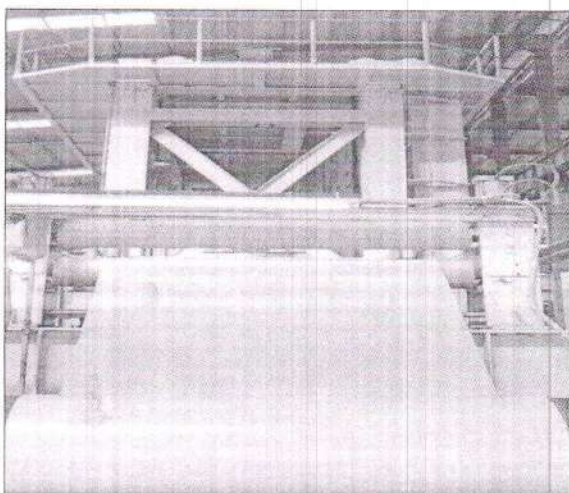
Tháng 06/2008	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ màu liên tục với công suất 45.000 tấn/năm (DC thứ nhất) tại KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương
22/12/2008	Thành lập 3 công ty con chuyên sản xuất và kinh doanh thép
23/12/2008	Thành lập Khu liên hợp Sản xuất Thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, tỉnh Bình Dương với diện tích đất 105.285m ² (Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/12/2008) <i>Năm 2008 xảy ra khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kéo dài đến tận cuối năm 2009. Trong khoảng thời gian này, công ty đầu tư nhỏ giọt nên tiến độ thực hiện Dự án chậm so với kế hoạch. Sang đầu năm 2010, khi nền kinh tế dần dần hồi phục thì công ty mới đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án</i>
04/06/2010	Niêm yết 38,8 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.
Tháng 08/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm (DC thứ hai)
Tháng 10/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền xả băng, công suất 60.000 tấn/năm
Tháng 11/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động 04 dây chuyền sản xuất ống thép với tổng công suất 30.000 tấn/năm
Tháng 12/2011	Lắp ráp hoàn chỉnh và chạy thử thành công các dây chuyền : dây chuyền tẩy rửa, dây chuyền thép lá cán nguội 12 trục
Tháng 04/2012	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm số 01
Tháng 12/2012	Lắp ráp hoàn chỉnh dây chuyền thép lá cán nguội 06 trục
Tháng 12/2016	Bắt đầu đầu tư dự án mới 2017 với việc lắp ráp lần lượt 04 dây chuyền cán ống (/ tổng số 10 dây chuyền).
Tháng 12/2017	Dây chuyền cán nguội 4 lắp ráp khoảng 60%, linh kiện thiết bị của dây chuyền cán nguội số 5 đã nhập về gần như toàn bộ, phần xây dựng cơ bản gần như hoàn thiện.
Tháng 12/2018	Đã hoàn tất việc lắp đặt dây chuyền cán nguội số 4 và số 5.
Tháng 12/2019	Đã đưa dây chuyền cán nguội số 4 và số 5 vào vận hành.



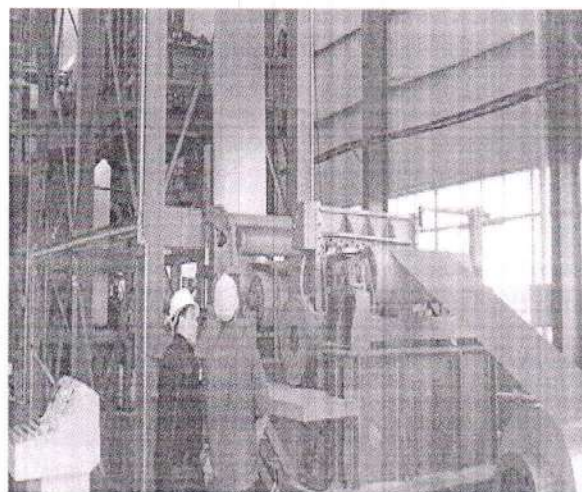
Dây chuyền tẩy rửa



Dây chuyền thép lá cán nguội



Dây chuyền mạ lạnh



Dây chuyền mạ màu

003
CÔNG
CỐ PH
HIỆN
T-T.

- **Quá trình tăng vốn điều lệ** (kể từ khi Công ty hoạt động theo hình thức cổ phần):

Thời gian		Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)
12/04/2007	Khi thành lập	99.000.000.000	
31/03/2008	Tăng đợt 1	152.000.000.000	53.000.000.000
25/07/2008 - 10/08/2008	Tăng đợt 2	192.000.000.000	40.000.000.000
10/11/2008 - 15/11/2008	Tăng đợt 3	230.000.000.000	38.000.000.000
16/12/2008 - 31/12/2008	Tăng đợt 4	253.000.000.000	23.000.000.000
31/07/2009	Tăng đợt 5	350.000.000.000	97.000.000.000
11/09/2009 - 30/09/2009	Tăng đợt 6	388.000.000.000	38.000.000.000
24/06/2010	Tăng đợt 7	484.974.700.000	96.974.700.000
12/01/2012	Tăng đợt 8	501.360.900.000	16.386.200.000
03/06/2014	Tăng đợt 9	614.356.040.000	112.995.140.000

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- **Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm:

✓ Thép lá cán nguội: Với công nghệ cán 12 trục, 6 trục đảo chiều tiên tiến, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng.

✓ Thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm (Tôn lạnh)/ Thép lá mạ kẽm (tôn kẽm): Được sản xuất trên dây chuyền mạ công nghệ NOF hiện đại. Nguyên liệu đầu vào là thép lá cán nguội dạng cuộn phù hợp tiêu chuẩn JIS G3141 SPCC 1B/SB/SD. Tôn mạ kẽm/ tôn lạnh được sản xuất trên cơ sở mạ kẽm/lạnh và hợp kim trên nền thép lá cán nguội. Bề mặt tôn phẳng, các tinh thể hợp kim kết tinh tạo thành lớp bông kẽm/lạnh đẹp, sáng và bóng. Khả năng chống ăn mòn và bức xạ nhiệt tốt hơn so với các sản phẩm khác.

✓ Thép lá mạ kẽm phủ màu (tôn màu)/ hợp kim nhôm kẽm phủ màu (Tôn lạnh màu): Ứng dụng công nghệ hàng đầu về sơn mạ trên nền tôn kẽm/tôn lạnh. Lớp sơn bóng đẹp, bền màu. Không bị bong tróc, trầy xước trong quá trình dập cán sóng và tạo hình.

✓ Thép hộp và Ống thép: Được sản xuất qua các công đoạn: tẩy rỉ, cán nguội, ủ mềm, mạ kẽm, cắt băng, cán định hình, Thép hộp và Ống thép có bề mặt sạch, trơn láng, độ dày đều, độ uốn dẻo cao, độ bám kẽm tốt, đảm bảo chất lượng cao theo tiêu chuẩn.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty luôn tập trung, chú trọng vào thị trường nội địa; Trong đó, tập trung vào các vùng chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu doanh thu toàn vùng, chủ yếu là thị trường miền Đông Nam Bộ (chiếm khoảng từ 40 - 55%) và miền Tây Nam Bộ.

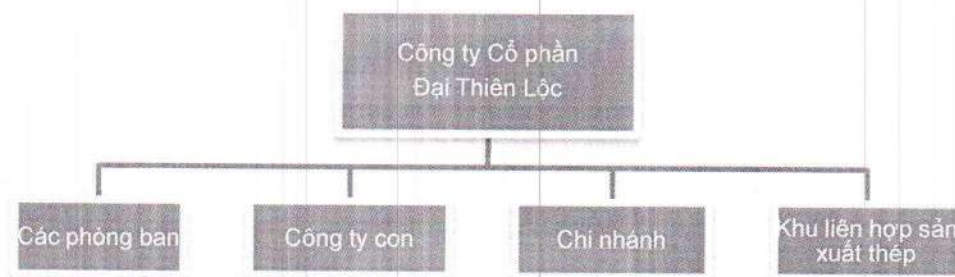
Ngoài thị trường nội địa, công ty cũng đã, đang và sẽ không ngừng đẩy mạnh thị trường xuất khẩu với một số thị trường truyền thống từ trước đến nay như các nước ASEAN, các nước Châu Á... Đồng thời, không chỉ dừng lại ở phạm vi đó, công ty cũng đang xúc tiến tìm hiểu thêm thị trường tại Châu Phi, Châu Âu và Nam Mỹ để xuất khẩu hàng với giá cạnh tranh, đạt chất lượng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

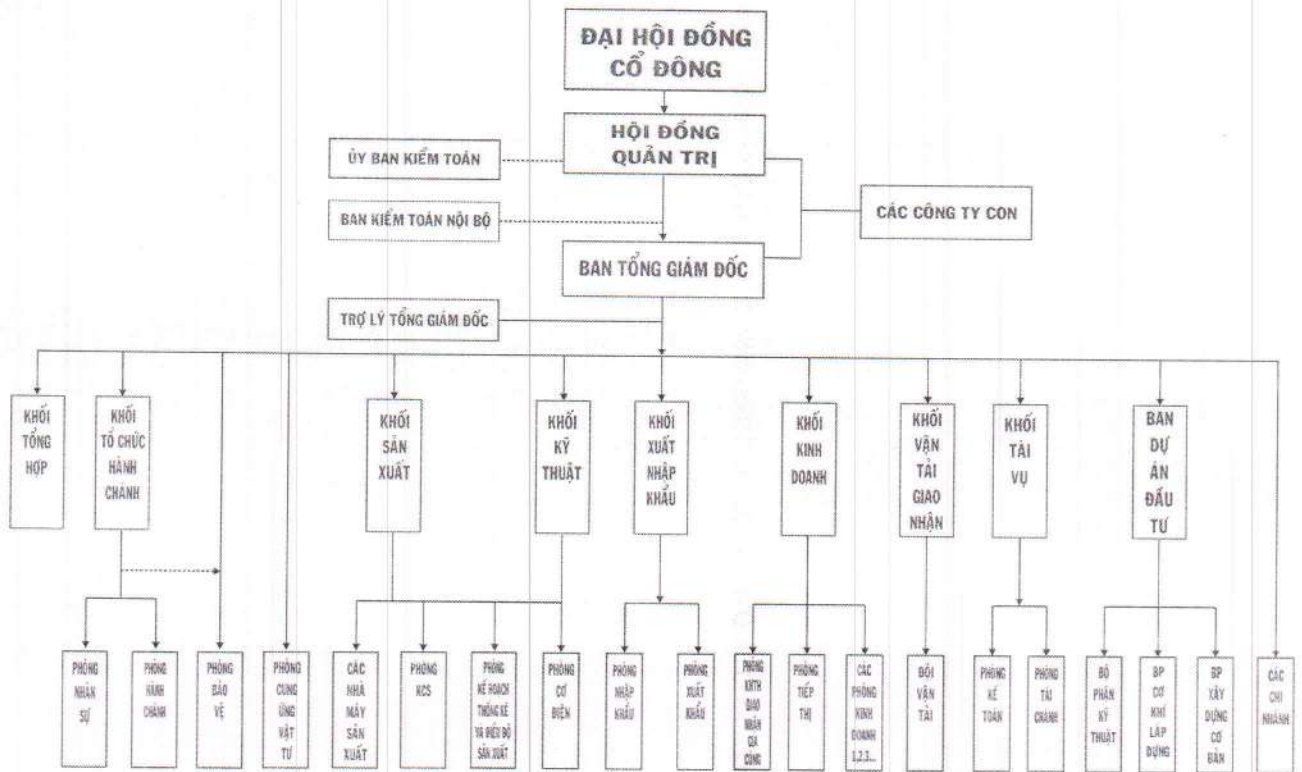
- **Mô hình quản trị:** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.

a) Sơ đồ 1: Cơ cấu công ty



b) Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Khối Tổ chức - Hành chính gồm Phòng Nhân sự, Phòng Hành chính

- Xây dựng, ban hành chính sách nhân sự, quy chế về sử dụng và quản lý lao động, nội quy lao động, hệ thống thang bảng lương, quy chế khen thưởng, kỷ luật...;
- Xây dựng, ban hành quy chế về an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ...;
- Thực hiện công tác định mức lao động, chấm công, tính lương, giải quyết các chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, các chế độ lao động khác cho nhân viên;

- Tuyển dụng nhân viên, đào tạo, bố trí, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật;
- Xây dựng, ban hành quy chế về việc sử dụng, quản lý con dấu...;
- Thực hiện công tác văn thư lưu trữ, lễ tân, tổ chức hội họp...;
- Mua sắm, cấp phát, quản lý sử dụng thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm...

Khối tổng hợp

- Nghiên cứu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
- Xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu;
- Hoạt động đối ngoại, xây dựng mối quan hệ đại chúng (trong và ngoài nước), tiến hành các hoạt động PR, IR.



Khối vận tải

- Gồm đội xe lo việc vận chuyển người và hàng hóa của Công ty;
- Thực hiện bốc dỡ, giao nhận hàng hóa...;
- Khai thác vận tải, tổ chức chở thuê hàng hóa...

Phòng cung ứng vật tư

- Chuyên thu mua các loại vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và các nhu cầu khác trong Công ty.

Phòng bảo vệ

- Chuyên lo vấn đề an ninh trật tự, bảo đảm an toàn tài sản, thực hiện phòng chống cháy nổ tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Khối Xuất Nhập khẩu gồm Phòng Nhập khẩu và Phòng Xuất khẩu

- Tìm hiểu thông tin thị trường thép thế giới, nhận định về diễn biến giá cả, nắm vững biểu thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước khác, thông báo chính xác và kịp thời cho Tổng Giám đốc để đưa ra định hướng kinh doanh phù hợp trong từng thời kỳ nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty;

- Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Xuất khẩu các sản phẩm, hàng hóa của Công ty sang các nước;
- Thực hiện các thủ tục Hải quan, bộ chứng từ XNK, giao nhận hàng hóa tại các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ, ...

Khối Sản xuất - Kỹ thuật gồm các Nhà máy Sản xuất, Phòng Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm, Phòng Kế hoạch - Thống kê - Điều độ Sản xuất và Phòng Cơ điện.

- Nghiên cứu, tiếp cận, ứng dụng công nghệ tiên tiến để cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh;

- Thiết kế, chế tạo các loại máy móc thiết bị phục vụ sản xuất; theo dõi, quản lý sử dụng dây chuyền thiết bị và thiết bị kiểm tra, đo lường;

- Thi công lắp dựng nhà xưởng, nhà kho, máy móc thiết bị...;
- Quản lý toàn bộ hệ thống điện – tự động hoá;
- Kiểm tra chất lượng sản phẩm và giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);
- Huấn luyện, đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề công nhân kỹ thuật;
- Lập kế hoạch sản xuất, điều hành và quản lý sản xuất bảo đảm đúng tiến độ giao hàng, đạt chất lượng sản phẩm, ...

Khối Kinh doanh gồm Phòng Kinh doanh, Phòng Tiếp thị, Phòng Kế hoạch Tổng hợp - Giao nhận - Gia công.

- Xây dựng chiến lược kinh doanh, marketing, phát triển hệ thống bán hàng;



- Phối hợp với Phòng Sản xuất để lập kế hoạch sản xuất, gia công, theo dõi tiến độ, tổ chức giao nhận hàng sản xuất, gia công và thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);

- Thực hiện dịch vụ bán hàng, hậu mãi; chăm sóc khách hàng và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến dịch vụ bán hàng, hậu mãi...

Khối tài vụ gồm Phòng Kế toán, Phòng Thống kê, Ban Kiểm toán nội bộ

- Lập kế hoạch tài chính – đầu tư và tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn; Xây dựng các quy chế lưu trữ chứng từ, luân chuyển chứng từ nội bộ, thanh toán nội bộ...;

- Thực hiện công tác quản lý tài sản và sử dụng vốn;

- Phối hợp với Phòng Sản xuất để tính chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm;

- Phối hợp với phòng Hành chính – Nhân sự tính tiền lương, thanh toán bảo hiểm xã hội, y tế, tai nạn và các chế độ khác cho nhân viên;

- Lập báo cáo thuế, quyết toán thuế, báo cáo tài chính và các loại báo cáo khác theo quy định của Nhà nước và theo yêu cầu của Công ty;

- Lập báo cáo thống kê theo quy định của Nhà nước và yêu cầu của Công ty;

Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ để bảo đảm tính chính xác và trung thực về số liệu nhằm hạn chế tối đa những sai sót có thể xảy ra.

- Các công ty con, công ty liên kết:

+ Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc (Thành lập ngày 22/12/2008)

Địa chỉ: Ô 13D, Lô CN 8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Vốn điều lệ thực góp: 795.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%.

+ Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc (Thành lập ngày 22/12/2008). Đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2013.

Địa chỉ: Ô 2, Lô A, Đường số 22, KCN Sóng Thần, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Vốn điều lệ thực góp: 9.194.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu: 100%.

4. Định hướng phát triển:

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:** Với nguồn lực hiện có của công ty và sự nhận định, đánh giá về tình hình chung của ngành thép, Đại Thiên Lộc đề ra 5 mục tiêu lớn như sau:

- + Một là, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm mức tăng trưởng cao và bền vững; gia tăng giá trị cho cổ đông;
- + Hai là, xây dựng hệ thống quản lý một cách toàn diện, phát huy những lợi thế có sẵn và hạn chế các mặt yếu kém còn tồn tại;
- + Ba là, xây dựng và phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, khẳng định vị thế của Đại Thiên Lộc trên thương trường Việt Nam và quốc tế;
- + Bốn là, xử lý tốt nguồn chất thải trước khi đưa vào hệ thống xử lý chung của Khu công nghiệp, làm giảm thiểu tác động có thể gây ô nhiễm môi trường;
- + Ổn định, tạo sự phát triển cho đời sống của Cán bộ công nhân viên và đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và xã hội.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Cùng với sự phát triển kinh tế, nhu cầu sử dụng thép dẹt tại Việt nam và các nước đang phát triển như Asean, Tây Á, Bắc Á, Châu Phi, Nam Mỹ... gia tăng rất đáng kể. Theo đó triển vọng phát triển ngành thép dẹt, thép lá tráng phủ kim loại (tôn mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm kẽm), phủ sơn màu (tôn mạ màu), ống thép, xà gồ thép... là rất lớn. Cùng với đó, Trung Quốc là nước xuất khẩu lớn mặt hàng thép dẹt tại Châu Á đã bị một số thị trường lớn tại Châu Âu, Châu Mỹ áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại; Do đó, đây là một cơ hội lớn cho mặt hàng thép sản xuất tại Việt nam nói chung và Tôn Đại Thiên Lộc nói riêng vươn ra các thị trường khó tính.

Trong xu hướng phát triển sắp tới, công ty sẽ mở rộng sản xuất mặt hàng thép không gỉ (Inox) để đáp ứng được nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng khi chất lượng cuộc sống đã dần được nâng cao.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

+ Tìm hiểu và đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Tôn Đại Thiên Lộc nỗ lực nghiên cứu, tìm hiểu và thấu hiểu nhu cầu của khách hàng về chất lượng, giá cả và dịch vụ. Từ đó, công ty cung cấp ra thị trường các loại sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách hàng khác nhau, mục đích sử dụng khác nhau ví dụ như sản phẩm tôn lợp với giá cả cạnh tranh dành cho người thu nhập thấp cho đến những sản phẩm tôn chất lượng với yêu cầu tiêu chuẩn nghiêm ngặt. Bên cạnh yếu tố chất lượng, công ty còn quan tâm đến các nhu cầu khác của khách hàng như chế độ bảo hành, hậu mãi nhằm đem đến cho khách hàng sự an tâm khi sử dụng sản phẩm của công ty.

+ Chất lượng sản phẩm:

Tôn Đại Thiên Lộc không ngừng tìm hiểu và cải tiến công nghệ trong lĩnh vực sản xuất; nhằm đưa ra những sản phẩm cải tiến, phù hợp với thị hiếu của khách hàng và xu hướng phát triển bền vững của ngành tôn, thép. Đến nay, công ty vẫn đang nỗ lực nghiên cứu để cho ra đời những sản phẩm phù hợp với nhiều phân khúc khác nhau với tiêu chí nâng cao hiệu năng, độ bền bỉ của sản phẩm nhưng vẫn phải đảm bảo được chất lượng của sản phẩm.

+ Trách nhiệm với xã hội

Bên cạnh mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh thì việc đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường cũng được quan tâm và ưu tiên hàng đầu, vì đây là cơ sở nền tảng của sự phát triển bền vững; đảm bảo chất lượng cuộc sống cho xã hội. Song song đó, công tác chăm sóc, quan tâm giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội và tài trợ các hoạt động xã hội cộng đồng cũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà doanh nghiệp đặt ra.

5. Các rủi ro:

a. Rủi ro cạnh tranh:

- Xu hướng cạnh tranh trong nước ngày càng gay gắt, xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh bao gồm nhà máy mới, công ty thương mại mới. Hiện nay, các công ty không ngừng cải tiến và đổi mới mẫu mã sản phẩm, nâng cao chất lượng hàng hóa. Bên cạnh đó, thị trường trong nước gặp nhiều khó khăn do các công ty hưởng lợi sau khi ngừng gia hạn chính sách thuế “chống phá giá” đối với hàng Trung Quốc; những dòng sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc tập trung cạnh tranh trên yếu tố giá và hàm lượng công nghệ; gây ra nhiều khó khăn và sức ép cho nhà máy trong nước.

- Trong khi đó, tình hình lạm phát trong nước và toàn thế giới tăng cao. Giá dầu tăng kéo theo giá nguyên vật liệu, bán thành phẩm và nhiều mặt hàng khác tăng; dẫn đến chi phí sản xuất cao. Nhiều công trình dự án bị đội giá và đình trệ. Đời sống công nhân khó khăn do nhiều công ty lớn phải cắt giảm nhân sự dẫn đến nhu cầu xây dựng dân dụng giảm sút. Các công ty đa phần trông chờ vào đầu tư công và các dự án xây dựng của chính phủ. Tuy nhiên đây không phải là lĩnh vực thế mạnh của công ty.

Vì vậy, những rủi ro cạnh tranh nêu trên là nguy cơ dẫn đến tồn kho cao, sản lượng tiêu thụ giảm.

b. Rủi ro về giá nguyên liệu:

- Giá nguyên liệu là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến vị thế cạnh tranh của công ty. Trong vòng nửa đầu năm 2022, giá nguyên liệu thép cán nóng biến động không ngừng, trong khi thời gian nhập khẩu không thể chủ động thay đổi, dẫn đến việc hàng nguyên liệu chưa cập cảng thì giá thành phẩm đã giảm. Việc điều chỉnh chi phí sản xuất và giá bán kịp thời vẫn không thể bù đắp được hoàn toàn chi phí bán hàng. Vì vậy giá nguyên liệu là một trong những lý do ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch lợi nhuận của công ty

c. Rủi ro trong quản trị: Năng lực và chất lượng hoạt động của công ty phần nhiều

còn phụ thuộc vào nhân lực, tiềm ẩn nhiều rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp. Hiện nay, hệ thống quản lý của công ty đã và đang được duy trì phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Tuy nhiên, thực tế khó có thể nhận biết và dự đoán trước được những rủi ro từ việc thay đổi nhân sự.

d. Rủi ro từ hệ thống dây chuyền sản xuất: Vì hệ thống dây chuyền sản xuất nhập khẩu từ nước ngoài nên lượng phụ tùng, thiết bị thay thế phải có dự phòng rất lớn; trong khi đó thời gian nhập khẩu kéo dài, có khi từ 03 – 04 tháng mới về Việt Nam.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

* *Về sản lượng tiêu thụ:*

Sản lượng tiêu thụ cả năm đạt 77,763,518kg (tăng 157.96% so với năm 2021).

Trong đó:

ĐVT: Kg			
Tên Hàng	Năm 2022	Năm 2021	% tăng giảm
Tôn Lạnh	16,997,103	36,989,086	-54.05%
Tôn Màu	13,438,358	12,315,854	9.11%
Tôn Kẽm	272,248	1,474,581	-81.54%
Tôn Dạng Băng	518,966	118,260	338.83%
Ống + Hộp	269,719	1,186,804	-77.27%
Cán nguội		2,922,805	
Cán Nóng	41,165,447	119,568	34,328.48%
Khác	5,101,677	6,597,216	-22.67%
Tổng	77,763,518	61,724,174	25.99%

- **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

* *Về kinh doanh nội địa:*

- Doanh thu năm 2022 đạt 1,612,509,441,879 đồng; doanh thu tăng 16.78% so với năm 2021, nhưng lợi nhuận sau thuế âm (thua lỗ) 152,650,156,856 đồng. Kết quả thua lỗ cho thấy áp lực lớn đến từ sự gia tăng cạnh tranh trong nước, biến động giá nguyên liệu liên tục ảnh hưởng đến tâm lý người mua hàng, tình hình kinh tế chính trị trong nước và thế giới bất ổn, và biến động tỷ giá tăng mạnh vào cuối năm đẩy chi phí sản xuất lên cao...

- Chất lượng hàng hóa đã được cải thiện nhưng vẫn không mang tính ổn định. Hàng hóa bị khách hàng khiếu nại. Chất lượng mặt hàng ống hộp vẫn chưa cạnh tranh, chiếm lợi thế so với các doanh nghiệp sản xuất ống khác.

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài dẫn đến thất nghiệp, nông dân làm ăn thất thu nên nhu cầu xây cất, sửa nhà giảm.

- Về cơ cấu doanh thu: Khu vực Đông Nam Bộ chiếm 45.12%; Miền Bắc chiếm 20.83%; Miền Trung – Tây Nguyên chiếm 11.17%; Miền Tây chiếm 22.88%.

*** Về kinh doanh xuất khẩu:**

- Doanh thu năm 2022 đạt 2,525,623.44 USD (giảm 44.69% so với năm 2021), chỉ đạt 84.19% kế hoạch ĐHCĐ đã đề ra.

- Năm 2022 là một năm rất khó khăn đối với hoạt động xuất khẩu vì sự biến động của giá nguyên phụ liệu gây ảnh hưởng trực tiếp đến giá của hàng thành phẩm. Bên cạnh đó, dưới tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid vào các tháng đầu năm, chính sách Zero-Covid của Trung Quốc cùng với chiến sự Nga – Ukraina vào các tháng cuối năm 2022, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều bị ảnh hưởng. Điều đó thể hiện qua sản lượng nhập khẩu hàng tháng đều có dấu hiệu giảm sút. Các thị trường xuất khẩu trong năm 2022 của công ty chủ yếu vẫn là Châu Á, cụ thể là Lào, Campuchia, Indonesia. Tiếp theo là thị trường Châu Phi. Các thị trường như Bangladesh và Ấn Độ thì không thể xuất khẩu được vì giá không thể cạnh tranh với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc, giá chào ra chênh lệch từ 100-200USD tùy mặt hàng. Bên cạnh đó, các thị trường đã loại bỏ thuế chống bán phá giá như Indonesia và Thái Lan thì yêu cầu doanh nghiệp xuất khẩu phải có chứng nhận chất lượng để xuất khẩu như xuất khẩu sang Thái Lan cần có TIS, sang Ấn Độ cần có BIS và sang Indonesia cần có SNI. Thị trường xuất khẩu tiềm năng còn có thể kể đến Mỹ và Thị trường Châu Âu, hai thị trường này chủ yếu yêu cầu hàng kèm chất lượng cao, độ dày 0.70mm – 3.0mm, Z120 - Z275, mặt hàng này công ty chưa đưa vào sản xuất lại.

- Quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại:

a) Quảng bá thương hiệu

Trong nội bộ:

- In Logo, thương hiệu trên tất cả các biểu mẫu như: Phiếu báo giá, phiếu nhập - xuất kho, hóa đơn GTGT tự phát hành, giấy giới thiệu, giấy tiêu đề, bao thư, danh thiếp...

- Trang phục công sở: tất cả CBCNV công ty khi đi làm đều mặc đồng phục có thêu logo Đại Thiên Lộc;

- Bảng hiệu công ty, các chi nhánh.

Ra bên ngoài:

- In Brochure, tờ rơi, poster, quảng cáo trên báo, truyền hình trung ương và địa phương.

- Tài trợ một phong trào thể dục thể thao mang tính xã hội hóa như: giải đua xe đạp do Đài PT&TH Bình Dương tổ chức, tài trợ giải quần vợt do Đài PT&TH tỉnh Nghệ An, Đài PT&TH tỉnh Hà Tĩnh tổ chức...

- Đặt các bảng quảng cáo ngoài trời, bảng hiệu đại lý ...
- Dán logo các xe của công ty ...
- Tặng phẩm: Bộ bình trà, bình cắm hoa, đồng hồ, áo thun, áo đi mưa... có in thương hiệu Đại Thiên Lộc.

b) Xúc tiến thương mại

Tham gia các chương trình giao thương, triển lãm, hội chợ trong và ngoài nước như: Hội chợ Vietbuild; Hội chợ thương mại quốc tế tại một số nước Đông Nam Á.

2. Tổ chức và nhân sự:

- **Danh sách Ban điều hành** (đến ngày 31/12/2022):

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/01/2022)
2	Nguyễn Thanh Dung	Phó Tổng Giám đốc
3	Lê Ngọc Khang	Q.Kế toán trưởng

Tóm tắt lý lịch:

- **Tổng Giám đốc** (Miễn nhiệm ngày 05/01/2022)

<i>Họ và tên</i>	Nguyễn Thanh Nghĩa
<i>Số căn cước công dân</i>	052063000227
<i>Giới tính</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	27/11/1963
<i>Nơi sinh</i>	Phù Cát, Bình Định
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Phù Cát, Bình Định
<i>Địa chỉ thường trú</i>	23/28 đường D2, CX.Văn Thánh Bắc, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Đại học
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ 1987 - tháng 03/1992</i>	Công tác tại Công ty Tài chính Tín dụng Seaprodex

Từ 1992 – 1993	Nhân viên Công ty XNK Thủy sản Tp. HCM
Từ 1993 – 2001	Phó Phòng, Trưởng phòng Nhập khẩu Công ty XNK Thủy sản Tp.HCM
Từ 2001 – tháng 05/2007	Chủ tịch HĐQT Giám đốc Công ty TNHH Đại Thiên Lộc
Từ tháng 06/2007 – tháng 07/2020	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ tháng 08/2020 – 04/01/2022	Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ tháng 05/01/2022 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	29.220.213 cổ phần, chiếm 47,56% VDL
Số cổ phần của những người có liên quan	
Vợ: Nguyễn Thị Bích Liên	7.899.952 cổ phần, chiếm 12,86% VDL
Con ruột: Nguyễn Thanh Loan	6.244.378 cổ phần, chiếm 10,16% VDL
Con ruột: Nguyễn Thanh Dung	2.573.990 cổ phần, chiếm 4,19% VDL
Con ruột: Nguyễn Thanh Trúc	2.435.000 cổ phần, chiếm 3,96% VDL
Anh ruột: Nguyễn Quang Quảng	625 cổ phần, chiếm 0,001 % VDL

- Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	Nguyễn Thanh Dung
Số chứng minh nhân dân	079194002685
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	12/07/1994
Nơi sinh	TPHCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phù Cát, Bình Định

<i>Địa chỉ thường trú</i>	23/28 đường D2, CX.Văn Thánh Bắc, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Đại học
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ tháng 03/2017 – tháng 05/2020</i>	Trợ lý TGD, Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Từ tháng 06/2020 – tháng 10/2020</i>	Thành viên HĐQT, Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Từ tháng 11/2020 – nay</i>	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	2.573.990 cổ phần, chiếm 4,19% VDL
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	
<i>Cha: Nguyễn Thanh Nghĩa</i>	29.220.213 cổ phần, chiếm 47,56% VDL
<i>Mẹ: Nguyễn Thị Bích Liên</i>	7.899.952 cổ phần, chiếm 12,86% VDL
<i>Chị ruột: Nguyễn Thanh Loan</i>	6.244.378 cổ phần, chiếm 10,16% VDL
<i>Em ruột: Nguyễn Thanh Trúc</i>	2.435.000 cổ phần, chiếm 3,96% VDL

- Quyền Kế toán trưởng

<i>Họ và tên</i>	Lê Ngọc Khang
<i>Số chứng minh nhân dân</i>	281406941
<i>Giới tính</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh</i>	10/07/1987
<i>Nơi sinh</i>	Thanh Hoá
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Thanh Hóa
<i>Địa chỉ thường trú</i>	P. Phú Mỹ, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học
Quá trình công tác	
Từ 2010 - 2012:	Nhân Viên Kế Toán Công ty TNHH Proceeding
Từ 2012- 2015:	Nhân Viên Kế toán Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc
Từ 2016 - Đến nay:	Quyền Kế toán Trưởng Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không

- **Những thay đổi trong ban điều hành:** Ngày 05/01/2022 miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

+ Số lượng cán bộ, nhân viên đến ngày 31/12/2022: 219 người.

+ Thu nhập bình quân: 9.459.855đồng/tháng/người, tăng 12% so với năm 2021.

+ Chế độ, chính sách lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như: BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác theo quy định của Nhà nước. Người lao động được Công ty tổ chức tập huấn về ATLĐ, VSLĐ, được nâng cao kỹ năng quản lý và các kỹ năng khác. Năm 2022, dù tình hình dịch bệnh ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty dẫn đến thua lỗ nhưng Ban lãnh đạo công ty vẫn xem xét mức thưởng tết phù hợp cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

Đối với kế hoạch đầu tư mới và cải tiến thiết bị, do dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên nhiều máy móc thiết bị không thể nhập khẩu về thay thế. Trong năm không có đầu tư dự án mới.



b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu thuần	-	-
Lợi nhuận sau thuế	(9,119,719)	(9,119,719)
Lợi nhuận phân bổ cho Cty CP ĐTL		

- Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Doanh thu thuần	1,321,831,248,225	1,644,046,124,358
Lợi nhuận sau thuế	27,816,576,182	(146,900,347,392)
Lợi nhuận phân bổ cho Cty CP ĐTL		

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1,887,374,886,479	2,368,609,665,444	25.50
Doanh thu thuần	1,380,751,111,677	1,612,509,441,879	16.78
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	95,781,287,823	(63,198,677,446)	(165.98)
Lợi nhuận khác	(44,891,881,080)	(58,973,981,604)	31.37
Lợi nhuận trước thuế	50,889,406,743	(122,172,659,050)	(340.07)
Lợi nhuận sau thuế	56,129,713,567	(152,650,156,856)	(371.96)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

- Các chỉ tiêu khác:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1.45	1.26	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	0.22	0.38	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.43	0.62	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	0.77	1.60	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

+ Vòng quay hàng tồn kho	0.98	1.40	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	0.98	1.40	
+ Vòng quay tổng tài Sản:			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.73	0.68	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.041	(0.095)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0.05	(0.17)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.03	(0.06)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.07	(0.04)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 61,435,604 cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 60,630,984 cổ phiếu – Cổ phần chuyển nhượng tự do.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 804,620 cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông:

* Thông tin về cơ cấu cổ đông (theo Danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 06/04/2022)

Cổ đông	Số lượng CD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ(%)
Trong nước	256	61,433,983	99.997%
Cá nhân	225	48,753,918	79.358%
Tổ chức	6	12,668,567	20.621%
Nhà đầu tư CK chuyên nghiệp là các Cty CK	25	11,498	0.019%
Nước ngoài	4	1,621	0.003%
Cá nhân	3	1,595	0.003%
Tổ chức	1	26	0.000%
Tổng cộng	260	61,435,604	100%

* Thông tin về cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên, theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 06/04/2022)

STT	Họ tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	23/28 đường D2, CX.Văn Thánh Bắc, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM	29,220,213	47.562%
2	Nguyễn Thị Bích Liên	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, Tp.HCM	7,899,952	12.859%
3	Nguyễn Thanh Loan	23/28 đường D2, CX.Văn Thánh Bắc, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM	6,244,378	10.164%
4	Công ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức	số 300/20, Đường ĐT743a, Khu phố Chiêu Liêu, P.Tân Đông Hiệp, TP. Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	11,863,289	19.310%
Tổng cộng			55,227,832	89.895%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

- Sử dụng tài nguyên hiệu quả và có trách nhiệm.

- Sử dụng năng lượng xanh: CNG, năng lượng mặt trời.

- Chất thải: Kiểm soát chất thải và nước thải.

- Nguồn nước và chất lượng nước: Sử dụng nguồn nước có trách nhiệm, hiệu quả và tuần hoàn.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

1. Nguyên liệu chính để sản xuất		17,729,913 Kg
2. Nguyên liệu để đóng gói sản phẩm		173,697 Kg
a. Nguyên liệu phụ khác:	+ Axit Clohidric (HCL 32%)	453,200 Kg
	+ Dầu Cán	50,057 Kg
	+ Dầu thủy Lực	15,850 Kg
	+ Dầu DO 0.05% + chất tẩy dầu	34,781 Kg
	+ Dung môi	50,723 Kg
	+ Hợp kim nhôm kẽm (nội địa)	408,873 Kg
	+ Sơn các loại	255,375 Kg

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Tỷ lệ phần trăm được sử dụng tái chế làm lõi là 5%.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:** Điện, Hơi nóng, Khí CNG.

b) **Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:**

Sử dụng biến tần cho toàn bộ phụ tải có công suất lớn: động cơ 1000kw/8cái, động cơ 1500kw/2cái, động cơ 1500kw/4cái. Năng lượng tiết kiệm được so với định mức: 15%.

c) **Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:** Không có.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) **Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:**

- Nguồn cung cấp nước: Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Môi trường Bình Dương.

- Lượng nước sử dụng: 798 m³ (năm 2022).

b) **Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:** 0%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) **Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:** Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lao động: 219 người.

- Thu nhập bình quân: 9.459.855 đồng/tháng/người (tăng 12% so với năm 2021).

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ khác theo quy định của Nhà nước.

- Bên cạnh đó, Công ty còn có chế độ thưởng vào các ngày lễ tết như: lương tháng 13 và tiền thưởng A,B,C vào dịp tết nguyên đán; tặng quà cho cán bộ, nhân viên nữ vào ngày 8/3, 20/10; tặng quà cho con em cán bộ, nhân viên vào ngày lễ thiếu nhi; hỗ trợ cán bộ, nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, gặp tai nạn lao động hoặc gia đình có hiếu hỉ; Người lao động được Công ty tổ chức tập huấn về ATLĐ, VSLĐ, được nâng cao kỹ năng quản lý và các kỹ năng khác. Năm 2022, tình hình kinh doanh không thuận lợi nhưng Ban lãnh đạo công ty vẫn xem xét thưởng tết với mức phù hợp cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Trong quá trình làm việc Quản lý các bộ phận/ dây chuyền sẽ trực tiếp đào tạo nhân viên do mình quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

a. Công tác xã hội, từ thiện:

Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch đề ra nhưng Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn quan tâm và thực hiện thường xuyên công tác từ thiện xã hội trên cả nước trong năm 2022 với số tiền 148,238,575 đồng như: Tặng xe đạp cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ chương trình “Xuân với trẻ em khó khăn tỉnh Bình Dương lần XV năm 2022”, ủng hộ mô hình xanh tại cơ quan đơn vị của Phường Phú Tân... Tuy số tiền từ thiện xã hội không phải quá lớn nhưng điều đó thể hiện trách nhiệm với cộng đồng xã hội của tập thể CB-CNV Tập đoàn Tôn ĐTL.

b. Tài trợ các hoạt động xã hội, cộng đồng

Trong năm, Tôn Đại Thiên Lộc tiếp tục là tài trợ cho Giải đua xe đạp Truyền hình Bình Dương tranh cúp Tôn Đại Thiên Lộc, quảng cáo trên Báo Bình Dương, số tiền 470,117,843đồng. Ngoài ra, công ty còn là nhà Tài trợ cho giải quần vợt Cúp Truyền hình Hà Tĩnh với chủ đề “*Vì học sinh nghèo vượt khó*”, số tiền: 258,333,332đồng. Cả 02 giải đấu mà công ty tài trợ ngoài việc cổ vũ cho phong trào thể dục – thể thao trong cả nước mà qua đó còn thể hiện công tác xã hội hóa khi qua các giải đấu đều thực hiện việc hỗ trợ trao tặng những phần quà giúp đỡ cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhưng biết nỗ lực vươn lên trong cuộc sống.

Một số hình ảnh hoạt động, xã hội từ thiện của công ty:



Tài trợ Giải quần vợt Cúp Truyền hình Hà Tĩnh



Tài trợ Giải quần vợt Cúp Truyền hình Hà Tĩnh



Tài trợ Giải quần vợt cúp Truyền hình Nghệ An



Ngày hội Trung thu và trao học bổng khó khăn

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

• **Về kết quả kinh doanh:**

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Kế hoạch 2023
- Doanh thu:	1,380 tỷ đồng	1,612 tỷ đồng	tỷ đồng
Trong đó xuất khẩu	4.566 triệu USD	2.525 triệu USD	triệu USD
- Lợi nhuận sau thuế:	56.129 tỷ đồng	-152.060 tỷ đồng	tỷ đồng

So với kế hoạch doanh thu, lợi nhuận do ĐHĐCĐ năm 2022 đã đề ra thì kết quả cho thấy:

+ Doanh thu đạt 89.58%. Trong đó, doanh thu xuất khẩu đạt 84.19% so với kế hoạch.

+ Về lợi nhuận năm 2022: thua lỗ, không đạt kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

Nguyên nhân: Kết quả phản ánh sự cạnh tranh gay gắt ở thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Nhu cầu thị trường trong nước ảm đạm, tâm lý người tiêu dùng bị ảnh hưởng từ các tin tức liên quan đến giá nguyên vật liệu thế giới. Thị trường xuất khẩu gặp nhiều rào cản do chính sách hạn chế nhập khẩu từ các quốc gia nhập khẩu như thuế chống bán phá giá, áp dụng tiêu chuẩn chất lượng quốc gia hay hạn ngạch nhập khẩu. Trong khi đó sản phẩm tôn màu không rõ nguồn gốc từ Trung Quốc liên tục gây sức ép về giá. Dẫn đến lợi nhuận không đạt so với kế hoạch đề ra.

Tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài làm đứt gãy chuỗi cung ứng, thiếu hụt nguyên liệu, giãn cách xã hội làm đình trệ sản xuất dẫn đến thất nghiệp, nông dân làm ăn thất thu nên nhu cầu xây cất, sửa nhà giảm. Trong khi đó giá nguyên liệu biến động khồng lường, chi phí sản xuất tăng cao dẫn đến hoạt động SXKD không đạt.

• **Về sản xuất:**

Dây chuyền	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
Tẩy rửa	110,000,000	17,380,805	15.80%
Cán nguội 3	110,000,000	25,605,285	23.28%
Cán nguội 4	165,000,000	1558950	0.94%
Cán nguội 5	165,000,000	329,840	0.20%
Mạ lạnh 2	90,000,000	19,559,935	21.73%
Mạ màu	55,000,000	13,194,720	23.99%
Xả băng		11,147,400	

Nấn phăng 1		18,930,070	
Nấn phăng 2		322,009	
Cán ống		2,366,958	
TỔNG CỘNG	695,000,000	110,395,972	

- Sản lượng sản xuất cả năm chỉ đạt 110,396 tấn. Nguyên nhân do dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng đến sản lượng bán ra. Không có kế hoạch sản xuất.

- **Những tiến bộ công ty đã đạt được:**

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tổng tài sản năm 2022 tăng 25.5% so với năm 2021, nguyên nhân chủ yếu là trong kỳ hàng tồn kho và công nợ phải thu tăng hơn năm trước.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả kỳ này tăng 77.03% so với năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu: Các khoản nợ ngắn hạn trong kỳ tăng mạnh, chủ yếu là khoản tăng trên chỉ tiêu Vay và nợ thuê tài chính. Trong các khoản nợ phải trả công ty không có phát sinh khoản nợ phải trả quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Củng cố bộ máy tổ chức, điều hành công ty.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý các hoạt động của công ty, xây dựng quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và thông tin quản lý.
- Tin học hóa hệ thống quản lý; ứng dụng phần mềm quản lý nguồn lực của doanh nghiệp (ERP) để chuẩn hóa quy trình quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của công ty.
- Kiểm tra thường xuyên, có chế độ bảo trì đối với các dây chuyền đang vận hành, sửa chữa, thay thế máy móc thiết bị cũ có công nghệ lạc hậu, chất lượng thấp bằng thiết bị chất lượng cao từ EU & Nhật.
- Tuyển dụng nhiều cán bộ kỹ thuật có trình độ, có kinh nghiệm để tiếp nhận chuyển giao từ phía nước ngoài, vận hành và kiểm soát tốt các dây chuyền sản xuất.
- Cải thiện môi trường làm việc, chế độ đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực trình độ cao, đóng góp tích cực cho Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí sản xuất, lưu thông để giảm giá thành sản phẩm, đầu tư... đồng thời coi trọng chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Có thể đánh giá một số điểm thuận lợi và khó khăn trong năm 2022 như sau:

*** Thuận lợi:**

- Nhờ sự đồng lòng của tập thể CB-CNV công ty trong tình hình dịch bệnh khi Hội đồng quản trị vẫn duy trì được việc làm cho người lao động.
- Công ty sẽ chú trọng quảng bá thương hiệu trực tiếp đến các xưởng, đại lý.

*** Khó khăn:**

- Thị trường tôn mạ trong nước đang có sự cạnh tranh rất gay gắt, do một số nhà máy mới đầu tư thêm các dây chuyền sản xuất đã ra sản phẩm với giá cả và chất lượng rất cạnh tranh.
- Nhân sự có trình độ, kinh nghiệm quản lý trong sản xuất hiện nay vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại các dây chuyền. Do đó, ảnh hưởng

ít nhiều đến việc xử lý khi có sự cố xảy ra.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Việc sử dụng nước, năng lượng một cách tiết kiệm. Mỗi dây chuyền sản xuất, bộ phận thường xuyên theo dõi, thống kê tình hình sử dụng năng lượng nhằm phát hiện và điều chỉnh tình trạng không hợp lý.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn xem con người là yếu tố cốt lõi của tổ chức. Công ty luôn hướng đến xây dựng môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã, đang và sẽ không ngừng đóng góp cho sự phát triển cùng cộng đồng, địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Năm 2022 là năm đánh dấu sự nỗ lực của Ban lãnh đạo Công ty mặc dù dịch bệnh Covid-19 kéo dài và ảnh hưởng trầm trọng đến tình hình hoạt động kinh doanh, cụ thể Công ty đã buộc phải dừng sản xuất. Doanh thu chỉ đạt 1,612 tỷ tương đương với 89.58% so với kế hoạch mà Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022 đã đề ra.

- Thị trường xuất khẩu đang dần bị thu hẹp do các nước là thị trường xuất khẩu truyền thống của công ty đã tiến hành áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, do đó kìm hãm việc xuất khẩu của các công ty thép Việt nam trong đó có Tôn Đại Thiên Lộc.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Trong năm 2022, Ban Tổng Giám đốc công ty luôn đồng hành và tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị. Đưa ra được những kế hoạch cụ thể trong việc tổ chức kinh doanh, chăm sóc khách hàng, tìm hiểu và đánh giá khả năng tiềm lực tài chính của từng khách hàng để có những chính sách đặc biệt. Đồng thời, luôn theo dõi sát sao công tác sản xuất nhằm chấn chỉnh kịp thời, giúp chất lượng sản phẩm tăng lên một cách đáng kể.

- Đồng thời, công tác thị trường, quảng bá thương hiệu đã được quan tâm đầu tư trong một thời kỳ cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Đối với thị trường trong nước, chú trọng vào việc đưa hàng hóa đến trực tiếp các cửa hàng, đại lý; Đẩy mạnh việc xuất khẩu sang một số thị trường mới, tiềm năng, không phụ thuộc vào yếu tố thương mại như trước đây;

- Triển khai một số chương trình quảng cáo, tổ chức sự kiện nhằm quảng bá hình ảnh sản phẩm, thương hiệu cũng như chất lượng Tôn Đại Thiên Lộc cho nhiều người dân biết đến, giúp công ty tiếp cận gần hơn nữa với người tiêu dùng.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Thanh Dung	Thành viên HĐQT
4	Ông Võ Thanh Lâm	Thành viên HĐQT

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa: Chủ tịch HĐQT
(Xem lý lịch cá nhân Tổng Giám đốc)

2. Phó Chủ tịch HĐQT

Họ và tên

Nguyễn Thị Bích Liên

Số căn cước công dân

079164035034

Giới tính

Nữ

<i>Ngày tháng năm sinh</i>	08/06/1964
<i>Nơi sinh</i>	Nam Định
<i>Quốc tịch</i>	Việt Nam
<i>Dân tộc</i>	Kinh
<i>Quê quán</i>	Nam Định
<i>Địa chỉ thường trú</i>	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, Tp.HCM
<i>Trình độ văn hóa</i>	12/12
<i>Trình độ chuyên môn</i>	Kinh doanh
<i>Quá trình công tác</i>	
<i>Từ 1984 – 1988</i>	Làm việc tại Phân Viện Khoa học Kỹ thuật thuộc UBKHKHKT (số 49 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP HCM)
<i>Từ 1989 – 1999</i>	Nội trợ
<i>Từ 2000 – 2005</i>	Giám đốc Công ty TNHH SX TM Thép Thiên Lộc
<i>Từ 2006 – tháng 4/2011</i>	Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Từ tháng 4/2011 – tháng 7/2020</i>	Thành viên HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Từ tháng 8/2020 – 04/01/2022</i>	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Từ tháng 05/01/2022 đến nay</i>	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đại Thiên Lộc
<i>Hành vi vi phạm pháp luật</i>	Không
<i>Số cổ phần sở hữu</i>	7,899,952 cổ phần, chiếm 12.86% VDL
<i>Số cổ phần của những người có liên quan</i>	
<i>Chồng: Nguyễn Thanh Nghĩa</i>	29.220.213 cổ phần, chiếm 47,56% VDL
<i>Con ruột: Nguyễn Thanh Loan</i>	6.244.378 cổ phần, chiếm 10,16 % VDL
<i>Con ruột: Nguyễn Thanh Dung</i>	2.573.990 cổ phần, chiếm 4,19 % VDL

Con ruột: Nguyễn Thanh Trúc	2.435.000 cổ phần, chiếm 3,96% VDL
Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức (Bà Nguyễn Thị Bích Liên là thành viên góp vốn)	11.863.289 cổ phần, chiếm 19,31% VDL

3. Bà Nguyễn Thanh Dung: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
(Xem lý lịch cá nhân Phó Tổng Giám đốc)

4. Thành viên HĐQT	
Họ và tên	Võ Thanh Lâm
Số chứng minh nhân dân	271113914
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/06/1973
Nơi sinh	Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	23 Ấp Thọ Tân, Xã Xuân Thọ, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	KỸ SƯ CƠ KHÍ CHUYÊN DỤNG
Quá trình công tác	
Từ 1998 – 2001	Trưởng phòng kỹ thuật tại Công ty CP Gạch Tuy Nén Tân Uyên Bình Dương
Từ 2002 – 2009	Trưởng Phòng Hậu Cần Logistic Tại Công Ty Kính nổi Viglacera – KSX Tân Đông Hiệp- Dĩ An- Bình Dương
Từ 2010 – 2011	Quản đốc NM Gạch Tuy Nén Bình Mỹ - Bình Dương
Từ 2012 – 2014	Giám đốc Nhà máy bao bì PP Chuyên

Từ T4/ 2015 – T4/2016	Dụng – trực thuộc Công ty CP Khoáng Sản Than Đông Bắc- Bộ Quốc Phòng Phó giám đốc Phân xưởng mạ kẽm Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ T5/2015 – T5/2016	Giám đốc nhà máy mạ kẽm Việt Quang- KCN Tịnh phong- Huyện Sơn Tịnh- Quảng Ngãi
Từ T6/2016 – đến nay	Kinh doanh tự do
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% VDL
Số cổ phần của những người có liên quan	0 cổ phần, chiếm 0% VDL

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 tính đến thời điểm tháng 12/2022, gồm 4 thành viên:
- + Ông Nguyễn Thanh Nghĩa - Chủ tịch HĐQT;
- + Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Phó Chủ tịch HĐQT;
- + Bà Nguyễn Thanh Dung - Thành viên;
- + Và Ông Võ Thanh Lâm - Thành viên.
- Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 06 cuộc họp với một số nội dung như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2022/NQ- HĐQT	05/01/2022	Thông qua việc Miễn nhiệm và bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025. Miễn nhiệm Tổng giám đốc	100%
2	02/2022/NQ- HĐQT	26/02/2022	Thông qua giao dịch vay giữa Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc (Công ty con của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc) với ông Nguyễn Thanh Nghĩa	100%
3	03/2022/NQ- HĐQT	16/03/2022	Thông qua việc Chốt danh sách cổ đông tổ chức Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%
4	04/2022/NQ- HĐQT	06/04/2022	Thông qua việc gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	100%



5	05/2022/NQ-HĐQT	25/04/2022	Thông qua việc chấm dứt hoạt động Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	100%
6	06/2022/NQ-HĐQT	22/06/2022	Thông qua giao dịch tạm mượn giữa Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc (Công ty con của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc) với ông Nguyễn Thanh Nghĩa	100%
7	07/2022/NQ-HĐQT	22/06/2022	Thông qua chủ trương ký hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc với Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc (Công ty con của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc)	100%
8	08/2022/NQ-HĐQT	22/06/2022	Thông qua chủ trương ký hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc (Công ty con của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc) với Công ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức (Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan)	100%

Hoạt động của HĐQT:

- Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2022 vào ngày 08/06/2022.
- Trong năm 2022, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị đã triển khai một số công việc như sau: Vay vốn, chốt danh sách cổ đông tổ chức ĐHCĐ, chấm dứt hoạt động chi nhánh, bổ nhiệm, miễn nhiệm...
- Bên cạnh các hoạt động SXKD, công ty cũng thực hiện tốt chế độ báo cáo, công bố thông tin cho cơ quan chức năng và nhà đầu tư theo luật định.
- Các thông tin của công ty đều được công bố đầy đủ tại website của công ty và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia vào quá trình giám sát, đánh giá, đưa ra ý kiến độc lập đối với các Nghị quyết, quyết định và các hoạt động khác của HĐQT.
- Trong năm tài chính 2022, HĐQT Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã hoạt động theo đúng các nội dung của Nghị quyết ĐHCĐ, đảm bảo sự tuân thủ Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế quản trị nội bộ của Công ty, đảm bảo sự minh bạch và các thông lệ quản trị.
- Các cuộc họp HĐQT luôn được tổ chức với kế hoạch, chương trình, nội dung, tài

liệu hợp đã được chuẩn bị đầy đủ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ/HĐQT.

- Các thành viên HĐQT luôn thực hiện công việc với tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp cao, đồng thời đảm bảo nguyên tắc cân trọng trong thực hiện vai trò thành viên HĐQT của mình.

e) **Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:** Không.

2. Ủy ban kiểm toán:

a) **Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán:**

Ngày 21/07/2021 Ủy ban Kiểm toán được thành lập theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/2021/NQ-HĐQT.

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Trình độ chuyên môn
1	Ông Võ Thanh Lâm	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	Ngày bổ nhiệm 21/07/2021	Cử nhân
2	Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên UBKT	Ngày bổ nhiệm 21/07/2021	Cử nhân

b) **Hoạt động của Ủy ban kiểm toán:**

Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.

- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán.

- Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.



Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thương xuyên hỗ trợ, tạo điều kiện để Ủy ban Kiểm toán thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ủy ban kiểm toán:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao
1	Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Chủ tịch HĐQT - Thành viên Ủy ban kiểm toán	278,433,900
2	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Phó Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc	63,763,400
3	Bà Nguyễn Thanh Dung	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	384,253,800
4	Ông Võ Thanh Lâm	Thành viên HĐQT độc lập - Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	304,882,100
5	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	262,847,500
6	Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	167,765,800
7	Bà Nguyễn Thị Hồng Thu	Thành viên Ban kiểm toán nội bộ	184,023,900

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

57003
CÔNG
CỐ PH
THIÊN
MOT-T.

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Thông tin	Nội dung
Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Nghị quyết HĐQT số 05/2020/NQ-HĐQT, ngày 03/07/2020	Nguyễn Thanh Nghĩa cho Công ty CP Đại Thiên Lộc vay. Cuối kỳ 31/12/2022 Công ty còn nợ: 0đ
Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Nghị quyết HĐQT số 11/2020/NQ-HĐQT, ngày 29/12/2020	Nguyễn Thanh Nghĩa cho Công ty CP Đại Thiên Lộc tạm mượn. Cuối kỳ 31/12/2022 Công ty còn nợ ông Nghĩa: 0đ
Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Nghị quyết HĐQT số 02/2022/NQ-HĐQT, ngày 26/02/2022	Nguyễn Thanh Nghĩa cho Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc vay. Cuối kỳ 31/12/2022 Công ty còn nợ ông Nghĩa: 0đ
Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Nghị quyết HĐQT số 06/2022/NQ-HĐQT, ngày 22/06/2022	Nguyễn Thanh Nghĩa cho Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc tạm mượn. Cuối kỳ 31/12/2022 Công ty còn nợ ông Nghĩa: 0đ
Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Nghị quyết HĐQT số 02/2022/NQ-HĐQT, ngày 26/02/2022	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc cho Nguyễn Thanh Nghĩa vay. Cuối kỳ 31/12/2022 ông Nghĩa còn nợ Công ty: 0đ
Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức	Cổ đông lớn/ Bà Nguyễn Thị Bích Liên là thành viên góp vốn	Nghị quyết HĐQT số 08/2022/NQ-HĐQT, ngày 22/06/2022	Công ty CP Đại Thiên Lộc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức. Tổng giá trị: 220,167,440đ
Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức	Bà Nguyễn Thị Bích Liên là thành viên góp vốn	Nghị quyết HĐQT số 08/2022/NQ-HĐQT, ngày 22/06/2022	Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho Công ty CP Đại Thiên Lộc. Tổng giá trị: 4,139,650,811đ
Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức	Bà Nguyễn Thị Bích Liên là thành viên góp vốn	Nghị quyết HĐQT số 08/2022/NQ-HĐQT, ngày 22/06/2022	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức. Tổng giá trị: 61,073,064,189đ
Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức	Bà Nguyễn Thị Bích Liên là thành viên góp vốn	Nghị quyết HĐQT số 08/2022/NQ-HĐQT, ngày 22/06/2022	Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc. Tổng giá trị: 6,199,041,750đ

612
TY
AN
LỘC
BINH T

Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Nghị quyết HĐQT số 07/2022/NQ-HĐQT, ngày 22/06/2022	Công ty CP Đại Thiên Lộc bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc. Tổng giá trị: 12,014,475,471đ
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con	Nghị quyết HĐQT số 07/2022/NQ-HĐQT, ngày 22/06/2022	Công ty CP Đại Thiên Lộc mua hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc. Tổng giá trị: 119,568,499,248đ
Công ty TNHH Cơ Khí và Xây dựng DTL	Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức góp vốn	Hợp đồng	Công ty CP Đại Thiên Lộc chi hộ cho Công ty TNHH Cơ Khí và Xây dựng DTL. Cuối kỳ 31/12/2022 Công ty còn phải thu: 948,102,080đ
Công ty TNHH Cơ Khí và Xây dựng DTL	Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức góp vốn	Hợp đồng	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc chi hộ cho Công ty TNHH Cơ Khí và Xây dựng DTL. Cuối kỳ 31/12/2022 Công ty còn phải thu: 3,048,232,733đ
Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức	Bà Nguyễn Thị Bích Liên là thành viên góp vốn	Hợp đồng	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc chi hộ cho Công ty TNHH SX Thép Tâm Đức. Cuối kỳ 31/12/2022 Công ty còn phải thu: 3,371,312,798đ
Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Phiếu chi/ ủy nhiệm chi	Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc cho Nguyễn Thanh Nghĩa tạm ứng. Cuối kỳ 31/12/2022 Công ty còn phải thu: 373,012,320đ
Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng vay	Lãi vay Công ty còn phải trả cuối kỳ 31/12/2022: 3,386,803,713đ
Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng vay	Lãi vay Công ty còn phải trả cuối kỳ 31/12/2022: 7,552,082,184đ
Nguyễn Thanh Dung	TV HĐQT – Phó TGĐ	Hợp đồng vay	Lãi vay Công ty còn phải trả cuối kỳ 31/12/2022: 170,892,291đ
Nguyễn Thanh Loan		Hợp đồng vay	Lãi vay Công ty còn phải trả cuối kỳ 31/12/2022: 129,689,913đ
Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch HĐQT	Hợp đồng vay	Nguyễn Thị Bích Liên cho Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc vay. Cuối kỳ 31/12/2022 Công ty còn phải trả: 17,103,274đ

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Thiếu các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động cho Hội đồng quản trị. Hiện nay, do nguồn nhân lực có trình độ quản trị và khả năng giúp việc cho HĐQT còn tương đối thiếu do đó chưa thể thành lập được các tiểu ban để giúp việc cho HĐQT. Vì vậy, công tác quản trị tập trung hầu hết vào Hội đồng quản trị và trong tương lai, công ty sẽ thực hiện việc tái cấu trúc về tổ chức, về nhân sự và tiến tới thiết lập các tiểu ban hỗ trợ cho HĐQT trong một số hoạt động.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGUYỄN THANH NGHĨA

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

	MỤC LỤC	Trang
	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
	BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
	Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 42

3317
CÔNG
TINH
DÂN 8
VIỆT
P. H

ST
C
C
M
D

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05/01/2022)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05/01/2022)
Bà Nguyễn Thanh Dung	Thành viên
Ông Võ Thanh Lâm	Thành viên độc lập

Danh sách các thành viên Ủy ban kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Thanh Lâm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05/01/2022)
Bà Nguyễn Thanh Dung	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Nhóm công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Số: 486/2023/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Phan Hoài Nam
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề kiểm toán số:
3527-2021-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.776.224.134.649	1.187.190.914.385
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	4.107.831.327	5.630.071.014
1. Tiền	111		4.107.831.327	5.630.071.014
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.701.000.000	1.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	26.701.000.000	1.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		485.880.763.728	165.584.989.598
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	377.943.648.532	170.172.090.641
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	106.359.363.005	2.297.709.514
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	23.493.438.055	14.451.558.723
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(21.992.940.052)	(21.408.645.820)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		77.254.188	72.276.540
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	1.240.195.761.656	1.006.276.482.958
1. Hàng tồn kho	141		1.240.195.761.656	1.006.276.482.958
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.338.777.938	9.698.370.815
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.610.262.664	1.323.142.472
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		16.698.370.987	8.375.228.343
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	30.144.287	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		592.385.530.795	700.183.972.094
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.230.591.187	4.089.504.983
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	2.230.591.187	4.089.504.983
II. Tài sản cố định	220		346.358.035.550	456.356.366.288
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	311.225.560.262	432.892.791.484
Nguyên giá	222		1.190.598.578.025	1.194.698.508.066
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(879.373.017.763)	(761.805.716.582)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.11	28.574.120.545	16.619.526.353
Nguyên giá	225		30.730.344.077	30.860.360.747
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.156.223.532)	(14.240.834.394)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	6.558.354.743	6.844.048.451
Nguyên giá	228		11.815.527.730	11.815.527.730
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.257.172.987)	(4.971.479.279)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		204.188.966.906	200.687.254.468
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	204.188.966.906	200.687.254.468
IV. Tài sản dài hạn khác	260		39.607.937.152	39.050.846.355
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.12	39.607.937.152	39.050.846.355
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.368.609.665.444	1.887.374.886.479

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.456.968.171.256	823.005.235.435
I. Nợ ngắn hạn	310		1.409.446.880.626	821.166.435.435
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	126.765.246.750	209.769.519.841
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	16.856.686.798	12.069.589.686
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	815.689.243	5.260.933.793
4. Phải trả người lao động	314		3.287.602.821	3.403.599.065
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	15.479.775.666	14.766.622.831
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	21.649.571.697	141.222.853.842
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	1.214.447.754.754	424.207.763.480
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.144.552.897	10.465.552.897
II. Nợ dài hạn	330		47.521.290.630	1.838.800.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	15.204.992.824	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		32.316.297.806	1.838.800.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		911.641.494.188	1.064.369.651.044
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.19	911.641.494.188	1.064.369.651.044
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		166.825.342.471	166.825.342.471
3. Cổ phiếu quỹ	415		(14.481.143.515)	(14.481.143.515)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		49.202.852.835	49.202.852.835
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.506.769.934	2.584.769.934
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		93.231.632.463	245.881.789.319
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		245.881.789.319	194.523.101.405
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(152.650.156.856)	51.358.687.914
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.368.609.665.444	1.887.374.886.479



Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc
 (Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
 ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập

Lê Ngọc Khang
 Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.613.986.903.890	1.381.840.902.134
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.477.462.011	1.089.790.457
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.612.509.441.879	1.380.751.111.677
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.574.105.954.993	1.218.774.695.581
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.403.486.886	161.976.416.096
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	401.643.970	925.780.141
7. Chi phí tài chính	22	5.4	74.172.043.754	43.032.370.895
Trong đó, chi phí lãi vay	23		56.027.187.576	42.738.038.151
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	6.806.676.704	7.749.037.149
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	21.025.087.844	16.339.500.370
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(63.198.677.446)	95.781.287.823
11. Thu nhập khác	31		3.797.634.045	3.257.944.788
12. Chi phí khác	32	5.7	62.771.615.649	48.149.825.868
13. Lợi nhuận khác	40		(58.973.981.604)	(44.891.881.080)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(122.172.659.050)	50.889.406.743
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		30.477.497.806	(5.240.306.824)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(152.650.156.856)	56.129.713.567
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(152.650.156.856)	56.129.713.567
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.19.4	(2.518)	883
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.19.5	(2.518)	883



Phê duyệt

Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(122.172.659.050)	50.889.406.743
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	122.641.966.530	69.801.717.529
Các khoản dự phòng	03		584.294.232	380.268.341
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.023.478.406	(210.437.041)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.001.458.004)	(457.476.967)
Chi phí lãi vay	06	5.4	56.027.187.576	42.738.038.151
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		57.102.809.690	163.141.516.756
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(327.344.297.210)	28.574.540.069
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(233.940.372.238)	486.056.086.951
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(204.236.133.149)	(143.060.448.653)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.844.210.989)	2.648.349.016
Tiền lãi vay đã trả	14		(56.027.187.576)	(42.773.906.055)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(399.000.000)	(924.639.778)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(766.688.391.472)	493.661.498.306
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.245.597.765)	(48.675.261.095)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		30.762.611.759	854.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(78.030.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		51.330.000.000	3.010.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	87.372.375	96.483.408
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.095.613.631)	(44.714.232.232)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2022	Năm 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	2.153.648.996.464	1.044.481.626.500
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(1.369.803.071.288)	(1.465.346.946.871)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(8.128.124.133)	(27.366.220.551)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		775.717.801.043	(448.231.540.922)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(2.066.204.060)	715.725.152
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.630.071.014	4.781.667.643
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		543.964.373	132.678.219
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	4.1	4.107.831.327	5.630.071.014

Phê Duyệt



Người lập

Nguyễn Thanh Dung

Phó Tổng Giám đốc

(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Lê Ngọc Khang

Người lập kiêm Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700381282 ngày 12 tháng 04 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 21 tháng 03 năm 2022 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") với mã chứng khoán là DTL theo Giấy phép Niêm yết do SGDCKHCM cấp ngày 28 tháng 05 năm 2010 của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại Mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2022 gồm:

Tên	Địa chỉ	Ghi chú
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ	Số 79A Trần Hưng Đạo, Khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, TX. Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	Đang tạm ngừng hoạt động đến 31/12/2022
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	Đang thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa	19 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam.	Đang hoạt động
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng	Thông Giáng Nam 2, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	Đang hoạt động

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31/12/2022 là 219 (31/12/2021 là: 170).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm – kẽm, mạ màu, ống thép, xà gồ thép;
- Kinh doanh thép cán nóng, thép tấm, thép hình, thép xây dựng;
- Sản xuất điện mặt trời, truyền tải và phân phối điện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Đặc điểm hoạt động của Nhóm công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Một số sự kiện có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty trong năm như sau:

- Giá bán thép có xu hướng giảm dần vào thời điểm cuối năm, cụ thể giảm khoảng 32% so với năm 2021, tuy nhiên sản lượng bán ra tăng 33% do trong năm Nhóm công ty phát triển thêm hoạt động nhập khẩu và bán thép cán nóng nên đã góp phần làm tăng doanh thu năm 2022.
- Do giá nguyên vật liệu đầu vào liên tục giảm mạnh từ giữa năm 2022 và với sự cạnh tranh bằng việc hạ giá bán của các doanh nghiệp trong ngành để kích cầu đã làm cho giá bán thép trên thị trường liên tục giảm mạnh từ nửa cuối năm 2022. Kết quả là tốc độ giảm giá thành chậm hơn là tốc độ giảm giá bán nên lợi nhuận gộp năm nay của Nhóm công ty đã giảm là 10% so với năm 2021.

1.6. Cấu trúc Nhóm công ty

Năm 2022, Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 2 công ty con trực tiếp. Trong năm, không có thay đổi cấu trúc của Nhóm công ty.

1.7. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH Một Thành viên Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%
2.	Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 8 – 20 năm |
| ▪ Máy móc thiết bị | 4 – 12 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 7 – 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 5 năm |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 6 năm.

3.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Nhóm công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể máy móc, thiết bị là 72 tháng.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.10. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê là 43 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 tháng đến 36.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất. Các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.14. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

3.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.20. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...).

3.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Nhóm công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4622/1000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất 15% trong 12 (mười hai) năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2012 đến năm 2014) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2021).

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp chịu thuế suất 0% đối với hàng xuất khẩu và 10% đối với hàng bán trong nước.

Theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Nhóm công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

3.22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.24. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.25. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Tiền mặt	1.890.055.867	183.881.918
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.217.775.460	5.446.189.096
Cộng	4.107.831.327	5.630.071.014

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 6%/năm, trong đó, số dư tiền gửi có kỳ hạn là 25.800.000.000 VND đã được dùng để cầm cố, đảm bảo cho việc mở thư tín dụng tại ngân hàng – Xem thêm Mục 4.18.

(Xem trang tiếp theo)

9-
TY
TU
M
C

M.S.D.N: 37
C
C
ĐẠI
TP. THỦ DẦU

T.C.P
DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	13.368.687.865	10.919.401.527
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất và Đầu tư Thép An Bình	151.159.393.803	111.420.891.611
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất Và Đầu tư Đức Long	137.176.538.261	244.111.659
PT Blue Steel Industries	-	-
Các khách hàng khác (*)	76.239.028.603	47.587.685.844
Cộng	377.943.648.532	170.172.090.641

Trong đó, giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là 41.140.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo khoản cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.18.

(*) Tại ngày 31/12/2022, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất và Đầu tư Thép An Bình	103.654.524.901	-
Các nhà cung cấp khác	2.704.838.104	2.297.709.514
Cộng	106.359.363.005	2.297.709.514

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu khác các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	7.740.659.931	(948.102.080)	7.722.946.990	(948.102.080)
Thuế GTGT để nghị hoàn	2.003.338.210	-	2.003.338.210	-
Phải thu khác (*)	13.749.439.914	(1.147.955.939)	4.725.273.523	(1.147.955.939)
Cộng	23.493.438.055	(2.096.058.019)	14.451.558.723	(2.096.058.019)

Dài hạn:

Ký cược, ký quỹ

2.230.591.187

-

4.089.504.983

-

(*) Tại ngày 31/12/2022, phải thu khác có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải thu khác ngắn hạn.

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	30.766.782.145	8.773.842.093	30.576.060.491	9.167.414.671

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu khách hàng, phải thu khác quá hạn theo thời gian từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
PT Blue Steel Industries Công ty TNHH SX TM	8.406.314.067	8.406.314.067	Trên 03 năm	8.406.314.067	8.406.314.067	Trên 03 năm
Thép Thành Chung Công ty TNHH SX TM	3.781.172.002	-	Trên 03 năm	3.781.172.002	-	Trên 03 năm
Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	Trên 03 năm	2.896.315.858	-	Trên 03 năm
Các khách hàng khác	15.682.980.218	367.528.026	Từ 01 năm đến trên 03 năm	15.492.258.564	761.100.604	Từ 01 năm đến trên 03 năm
Cộng	30.766.782.145	8.773.842.093		30.576.060.491	9.167.414.671	

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	4.523.617	-
Nguyên liệu, vật liệu	236.859.821.704	-	55.475.802.446	-
Công cụ, dụng cụ	57.192.648.933	-	64.521.341.130	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.520.538.943	-	3.752.704.082	-
Thành phẩm	528.077.301.795	-	475.066.083.76	-
Hàng hóa	413.545.450.281	-	407.456.027.919	-
Cộng	1.240.195.761.656	-	1.006.276.482.958	-

Giá trị hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm là 450.400.000 VND đã được dùng để thế chấp, bảo đảm cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.18.

4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng nhà xưởng và máy móc, dây chuyền sản xuất	177.431.037.370	176.045.891.409		
Sửa chữa lớn tài sản cố định	26.757.929.536	24.641.363.059		
Cộng	204.188.966.906	200.687.254.468		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2022	131.131.578.054	966.519.557.046	95.495.325.116	1.552.047.850	1.194.698.508.066
Mua trong năm	4.516.307.345	7.730.584.937	1.607.831.271	-	13.854.723.553
Mua lại tài sản thuế	-	9.556.666.600	20.551.447.418	-	30.108.114.018
Thanh lý, nhượng bán	-	(47.485.576.703)	(577.190.909)	-	(48.062.767.612)
Tại ngày 31/12/2022	135.647.885.399	936.321.231.880	117.077.412.896	1.552.047.850	1.190.598.578.025

Giá trị hao mòn lũy kế:

Tại ngày 01/01/2022	59.899.241.936	665.132.740.057	35.254.692.400	1.519.042.189	761.805.716.582
Khấu hao trong năm	6.621.599.655	102.873.882.270	12.635.235.801	23.602.968	122.154.320.694
Mua lại tài sản thuế	-	6.604.112.125	8.023.109.844	-	14.627.221.969
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.637.050.573)	(577.190.909)	-	(19.214.241.482)
Tại ngày 31/12/2022	59.899.241.936	665.132.740.057	35.254.692.400	1.519.042.189	879.373.017.763

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/01/2022	71.232.336.118	301.386.816.989	60.240.632.716	33.005.661	432.892.791.484
Tại ngày 31/12/2022	69.127.043.808	180.347.548.001	61.741.565.760	9.402.693	311.225.560.262

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 160.200.402.530 VND đã được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 101.909.491.640 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	11.240.727.730	574.800.000	11.815.527.730
Tại ngày 31/12/2022	11.240.727.730	574.800.000	11.815.527.730
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	4.396.679.279	574.800.000	4.971.479.279
Khấu hao trong năm	285.693.708	-	285.693.708
Tại ngày 31/12/2022	4.682.372.987	574.800.000	5.257.172.987
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	6.844.048.451	-	6.844.048.451
Tại ngày 31/12/2022	6.558.354.743	-	6.558.354.743

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 574.800.000 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	9.556.666.600	21.303.694.147	30.860.360.747
Thuê tài chính trong kỳ	30.730.344.077	-	30.730.344.077
Mua lại tài sản thuê	(9.556.666.600)	(21.303.694.147)	(30.860.360.747)
Tại ngày 31/12/2022	30.730.344.077	-	30.730.344.077
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	6.490.342.287	7.750.492.107	14.240.834.394
Khấu hao trong năm	2.269.993.370	272.617.739	2.542.611.109
Mua lại tài sản thuê	(6.604.112.125)	(8.023.109.846)	(14.627.221.971)
Tại ngày 31/12/2022	2.156.223.532	-	2.156.223.532
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	3.066.324.313	13.553.202.040	16.619.526.353
Tại ngày 31/12/2022	28.574.120.545	-	28.574.120.545

Sau khi Nhóm công ty hoàn thành mọi nghĩa vụ theo các hợp đồng thuê, Bên Cho thuê sẽ bán lại tài sản cho thuê và chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho thuê cho Nhóm công ty.

4.12. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí thuê đất trả trước nhiều kỳ (*)	36.725.742.211	38.024.521.747
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.098.417.516	455.369.083
Các khoản khác	783.777.425	570.955.525
Cộng	39.607.937.152	39.050.846.355

(*) Tiền thuê đất trả trước nhiều kỳ tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần 2 và III theo các hợp đồng thuê đất để xây dựng nhà máy cho đến năm 2055.

Giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của quyền sử dụng đất thuê đã dùng để thế chấp là 36.569.742.211 VND – Xem thêm Mục 4.18.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	2.371.045.892	2.371.045.892	112.412.111.477	112.412.111.477
Phải trả cho người bán:				
Ouda Yicahng Machinery and Electrical Equipment Manufacture Co., Ltd	69.099.560.194	69.099.560.194	66.961.116.437	66.961.116.437
Phải trả cho các đối tượng khác	55.294.640.664	55.294.640.664	30.396.291.927	30.396.291.927
Cộng	126.765.246.750	126.765.246.750	209.769.519.841	209.769.519.841

4.14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nguyễn Kế An	5.000.000.000	-		
Công Ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất và Đầu tư An Bình	3.455.022.001	4.545.022.001		
Các khách hàng khác	8.401.664.797	7.524.567.685		
Cộng	16.856.686.798	12.069.589.686		

10/ 30 370

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2022		Trong năm		Tại ngày 01/01/2022	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	29.784.287	141.297.715	-	4.480.081.865	-	4.591.595.293
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	87.981.685.549	87.981.685.549	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	64.765.623	64.765.623	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	40.541.329	-	-	-	40.541.329
Thuế thu nhập cá nhân	-	36.542.477	130.226.764	125.533.736	-	31.849.449
Các loại thuế khác	360.000	597.307.722	139.340.000	139.340.000	-	596.947.722
Cộng	30.144.287	815.689.243	88.316.017.936	92.791.406.773	-	5.260.933.793

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí phải trả các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	11.239.468.101	11.239.468.101
Chi phí phải trả cho nhân viên	1.818.784.595	1.105.632.595
Các khoản trích trước khác	2.421.522.970	2.421.522.135
Cộng	15.479.775.666	14.766.622.831

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả cho các bên liên quan	-	132.285.214.014
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.649.571.697	8.937.639.828
Cộng	21.649.571.697	141.222.853.842

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.18. Vay và nợ thuế tài chính**

Các khoản vay và nợ thuế tài chính được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	1.208.901.563.184	1.208.901.563.184	1.914.929.996.464	1.120.740.505.290	414.712.072.010	414.712.072.010
Vay bên liên quan – Xem thêm Mục 8	17.103.274	17.103.274	238.719.000.000	239.079.489.904	377.593.178	377.593.178
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn phải trả	5.529.088.296	5.529.088.296	5.529.088.296	131.414.885	9.118.098.292	9.118.098.292
Cộng	1.214.447.754.754	1.214.447.754.754	2.159.178.084.760	1.359.951.410.079	424.207.763.480	424.207.763.480
Dài hạn:						
Nợ thuế tài chính	20.734.081.120	20.734.081.120	30.717.157.214	9.983.076.094	131.414.885	131.414.885
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn phải trả	(5.529.088.296)	(5.529.088.296)	-	-	(131.414.885)	(131.414.885)
Cộng	15.204.992.824	15.204.992.824	30.717.157.214	9.983.076.094	-	-
Tổng cộng	1.229.652.747.578	1.229.652.747.578	2.189.895.241.974	1.369.934.486.173	424.207.763.480	424.207.763.480

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngân hàng được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh KCN Sóng Thần với tổng hạn mức:

+	Từ 05/05/2022 đến 30/06/2022:	Tổng hạn mức là 240.000.000.000 VND (hai trăm bốn mươi tỷ VND);
+	Từ 01/07/2022 đến 18/08/2022:	Tổng hạn mức là 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ VND);
+	Từ 14/11/2022 đến 31/12/2022:	Tổng hạn mức là 250.000.000.000 VND (hai trăm năm mươi tỷ VND)

Lãi suất 5,60 – 8,50%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép, tôn cuộn các loại; Mỡ LC; Chiết khấu; Phát hành bảo lãnh và các hình thức cấp tín dụng khác. Khoản vay được đảm bảo bằng dây chuyền máy móc – Xem thêm các Mục 4.9; hàng hóa nhập khẩu – Xem thêm các Mục 4.7 và các Quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp các bên liên quan – Xem thêm Mục 8.

- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương với hạn mức tín dụng 360.000.000.000 VND (ba trăm sáu mươi tỷ VND), lãi suất 5,60 – 7,60%/năm, để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay được đảm bảo bằng các quyền đòi nợ luân chuyển – Xem thêm các Mục 4.3; Máy móc thiết bị – Xem thêm các Mục 4.9; Hàng hóa thuộc sở hữu của Công ty tại Kho Sóng Thần III, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Kho Thanh Trúc, 300/20 đường DT. 743A, khu phố Chiêu Liểu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam – Xem thêm các Mục 4.7; và Quyền sử dụng đất thuê tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần III – Xem thêm Mục 4.12.

- Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp với hạn mức tín dụng là 600.000.000.000 VND (sáu trăm tỷ VND), lãi suất 6,2% - 9,3%, để bổ sung vốn lưu động, được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn – Xem thêm Mục 4.2, toàn bộ hàng hoá là kẽm thời, sắt thép các loại (hoặc phế liệu) được nhập khẩu/ mua trong nước và thanh toán trực tiếp qua Sacombank hoặc thành phẩm tôn thép mạ kẽm, mạ màu (trừ phế liệu) được sản xuất từ nguyên liệu thếp chấp cho Sacombank – Chi nhánh Gò Vấp – Xem thêm Mục 4.7; các Quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp các bên liên quan – Xem thêm Mục 8.

Các khoản vay cá nhân được chi tiết như sau:

Vay ngắn hạn cá nhân của bà Nguyễn Thị Bích Liên bằng hình thức tín chấp để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%/năm.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Khoản nợ thuế tài chính là khoản thuế tài chính của Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam có thời hạn thuế từ 48 tháng, lãi suất thuế từ 8,28%/năm.

Các khoản nợ thuế tài chính được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

Thời hạn:	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022			
	VND		VND			
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	7.016.021.406	1.486.933.110	5.529.088.296	9.647.421.247	529.322.955	9.118.098.292
Trên 1 năm đến 5 năm	16.964.844.036	1.759.851.212	15.204.992.824	-	-	-
Cộng	23.980.865.442	3.246.784.322	20.734.081.120	9.647.421.247	529.322.955	9.118.098.292

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.19. Vốn chủ sở hữu****4.19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	45.333.608.304	2.409.121.366	196.223.515.570	1.010.666.484.196
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	56.129.713.567	56.129.713.567
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.321.546.719)	(2.321.546.719)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.869.244.531	-	(3.869.244.531)	-
Trích Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	280.648.568	(280.648.568)	-
Chi Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(105.000.000)	-	(105.000.000)
Tại ngày 01/01/2022	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	49.202.852.835	2.584.769.934	245.881.789.319	1.064.369.651.044
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	(152.650.156.856)	(152.650.156.856)
Chi Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(78.000.000)	-	(78.000.000)
Tại ngày 31/12/2022	614.356.040.000	166.825.342.471	(14.481.143.515)	49.202.852.835	2.506.769.934	93.231.632.463	911.641.494.188

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.19.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	292.202.130.000	292.202.130.000
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	118.632.890.000	118.632.890.000
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	78.999.520.000	78.999.520.000
Bà Nguyễn Thanh Loan	62.443.780.000	62.443.780.000
Cổ đông khác	62.077.720.000	62.077.720.000
Cộng	614.356.040.000	614.356.040.000

4.19.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(804.620)	(804.620)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	60.630.984	60.630.984

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.19.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của công ty mẹ	(152.650.156.856)	56.129.713.567
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.602.195.287)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(152.650.156.856)	53.527.518.280
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	60.630.984	60.630.984
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.518)	883

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.19.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của công ty mẹ	(152.650.156.856)	56.129.713.567
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(2.602.195.287)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(152.650.156.856)	53.527.518.280
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	60.630.984	60.630.984
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(2.518)	883

4.20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Ngoại tệ các loại:		
USD	38.072,36	157.415,28

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa nội địa	1.544.938.492.403	1.235.150.369.930
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa xuất khẩu	57.543.704.746	104.313.688.505
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.583.638.707	4.947.562.517
Doanh thu các lĩnh vực khác	6.921.068.034	37.429.281.182
Cộng	1.613.986.903.890	1.381.840.902.134

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
	61.293.231.629	305.392.835.989

Nguyên nhân tăng doanh thu năm nay so với năm trước được thuyết minh tại Mục 1.5.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa nội địa	1.531.929.438.674	1.097.183.868.533
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa xuất khẩu	35.282.077.213	81.062.252.240
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.951.556.078	7.984.137.094
Giá vốn các lĩnh vực khác	4.942.883.028	32.544.437.714
Cộng	1.574.105.954.993	1.218.774.695.581

Nguyên nhân tăng giá vốn năm nay so với năm trước được thuyết minh tại Mục 1.5.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	87.372.375	811.866.283
Lãi tiền gửi	314.271.595	96.483.454
Khác	2.755	17.430.404
Cộng	401.643.970	925.780.141

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	56.027.187.576	42.738.038.151
Lỗ chênh lệch tỷ giá	18.144.856.178	291.751.044
Chi phí tài chính khác	-	2.581.700
Cộng	74.172.043.754	43.032.370.895

Chi phí tài chính năm nay tăng 72% so với năm trước là do năm nay Nhóm công ty vay nhiều để bổ sung vốn lưu động làm cho lãi vay tăng, lỗ chênh lệch tỷ giá tăng so với năm trước là do ảnh hưởng của tăng tỷ giá đồng Đô la Mỹ trong năm 2022.

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí quảng cáo	3.502.910.946	2.350.833.473
Chi phí vận chuyển và phí cho hàng xuất khẩu	709.703.895	3.377.761.641
Chi phí nhân viên	1.630.629.904	1.137.492.065
Các khoản chi phí bán hàng khác	963.431.959	882.949.970
Cộng	6.806.676.704	7.749.037.149

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên	9.599.479.772	6.853.040.139
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.019.931.152	4.961.313.980
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	584.294.232	380.268.341
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.082.977.337	1.953.138.610
Các khoản chi phí QLDN khác	2.738.405.351	2.191.739.300
Cộng	21.025.087.844	16.339.500.370

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay tăng so với năm trước chủ yếu do số lượng nhân viên tăng lên khoảng 24%.

5.7. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí khấu hao của tài sản cố định tạm ngưng hoạt động	61.932.196.761	41.483.491.435
Chi phí khác do tạm ngưng hoạt động	-	6.364.896.539
Các khoản phạt do vi phạm hợp đồng	250.786.111	-
Các khoản khác	588.632.777	301.437.894
Cộng	62.771.615.649	48.149.825.868

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.312.831.603.379	736.081.865.384
Chi phí nhân công	24.175.715.129	14.462.810.756
Chi phí khấu hao tài sản cố định	122.641.966.530	69.801.717.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.912.939.778	30.287.001.570
Chi phí khác bằng tiền	5.205.986.481	3.877.700.110
Cộng	1.495.768.211.297	854.511.095.349

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế xuất TNDN của từng công ty trong Nhóm công ty như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN năm nay</u>
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	20%
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	15%
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	20%

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.153.648.996.464	1.044.481.626.500

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.369.803.071.288)	(1.465.346.946.871)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động chính của Nhóm công ty là sản xuất và kinh doanh sắt, thép. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

- | | |
|---|--|
| 1. Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức | Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan |
| 2. Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL | Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan |
| 3. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	13.368.687.865	7.901.401.527
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT	-	3.018.000.000
Cộng – Xem thêm Mục 4.3	13.368.687.865	10.919.401.527
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải thu ngắn hạn khác là các khoản chi hộ và tạm ứng:		
Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng DTL	3.996.334.813	3.996.334.813
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	3.371.312.798	2.908.051.257
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT	373.012.320	818.560.920
Cộng – Xem thêm Mục 4.5	7.740.659.931	7.722.946.990
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.13:		
Công ty TNHH Sản Xuất Thép Tâm Đức	(2.371.045.892)	(112.412.111.477)
	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT	(3.386.803.713)	(3.386.803.713)
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Phó Chủ tịch HĐQT	(7.552.082.184)	(7.552.082.184)
Bà Nguyễn Thanh Dung, Bên liên quan	(170.892.291)	(170.892.291)
Bà Nguyễn Thanh Loan, Bên liên quan	(129.689.913)	(129.689.913)
Cộng – Xem thêm Mục 4.16	(11.239.468.101)	(11.239.468.101)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2022 VND	Tại ngày 01/01/2022 VND
Vay ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.18:		
Bà Nguyễn Thị Bích Liên, Phó Chủ tịch HĐQT	(17.103.274)	(17.103.274)
Trong năm, Nhóm công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm Mục 5.1:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	61.293.231.629	305.392.835.989
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Mua hàng hóa và dịch vụ:		
Công ty TNHH Sản xuất Thép Tâm Đức	6.199.041.750	131.537.516.742
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT:		
Vay tiền	343.468.926.385	374.011.000.000
Trả tiền vay	477.630.677.614	408.613.812.628
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Nhóm công ty được chi tiết như sau:		
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	63.763.400	151.015.400
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	278.433.900	271.167.800
Bà Nguyễn Thanh Dung	384.253.800	297.092.100
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	262.847.500	245.133.100
Bà Nguyễn Thanh Loan	245.878.700	
Ông Võ Thanh Lâm	304.882.100	-
Các thành viên quản lý chủ chốt khác	-	2.383.030.355
Cộng	1.540.059.400	3.347.438.755

9. THU NHẬP CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trong năm Nhóm công ty không chi trả thù lao cho Ủy ban Kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô CN 8, Đường CN 5, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2021 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2021 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	883	893
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	883	893

Việc báo cáo lại số liệu so sánh của lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu nêu trên là do lợi nhuận để tính chỉ tiêu này được điều chỉnh theo kết quả phân phối lợi nhuận năm 2021 vào Quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2022 ngày 08 tháng 06 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2022 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Nhóm công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Nguyễn Thanh Dung
Phó Tổng Giám đốc
(Theo Nghị quyết HĐQT số 08/2020/DTL-NQHĐQT
ngày 4 tháng 11 năm 2020)

Bình Dương, ngày 29 tháng 03 năm 2023

Người lập

Lê Ngọc Khang
Người lập kiêm Kế toán trưởng

